ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 02/2020/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan về dẫn độ, ký tại Hà Nội ngày 15 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
NƯỚC CỘNG HÒA CA-ĐẮC-XTAN
VỀ DẪN ĐỘ

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-đắc-xtan, sau đây gọi tắt là "các Bên";

Mong muốn hợp tác hiệu quả hơn trong đấu tranh chống tội phạm và thúc đẩy quan hệ giữa hai quốc gia trong lĩnh vực dẫn độ;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Nghĩa vụ dẫn độ

Theo quy định của Hiệp định này, mỗi Bên sẽ dẫn độ cho Bên kia bất kỳ người nào đang có mặt trên lãnh thổ của nước mình mà Bên đó yêu cầu để tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án trên lãnh thổ của Bên yêu cầu vì các tội có thể bị dẫn độ.

Điều 2. Các tội bị dẫn độ

1. Theo quy định của Hiệp định này, các tội phạm có thể bị dẫn độ là các tội phạm có thể bị xử phạt tù với thời hạn ít nhất là một (01) năm hoặc hình phạt nghiêm khắc hơn theo quy của định pháp luật của cả hai Bên tại thời điểm yêu cầu dẫn độ.

2. Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ liên quan tới một người đã bị Tòa án của Bên yêu cầu xử phạt tù về tội có thể bị dẫn độ, thì việc dẫn độ chỉ được thực hiện nếu thời hạn hình phạt tù người đó phải chấp hành còn lại ít nhất sáu (06) tháng.

3. Theo quy định của Điều này, hành vi được coi là tội phạm theo pháp luật của hai Bên được xác định như sau:

a) Không yêu cầu pháp luật của cả hai Bên quy định hành vi cấu thành tội phạm đó phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh; và

b) Tất cả các hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ phải được xem xét một cách toàn diện và không nhất thiết các yếu tố cấu thành của tội phạm đó theo pháp luật của các Bên phải giống nhau.

4. Nếu dẫn độ được đưa ra vì thực hiện hành vi phạm tội liên quan đến quy định của pháp luật trong lĩnh vực hải quan và thuế, quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ thì Bên được yêu cầu không được từ chối dẫn độ với lý do pháp luật của Bên được yêu cầu không có quy định về loại thuế hoặc nguyên tắc hải quan hoặc quy định trong lĩnh vực tiền tệ tương tự như pháp luật của Bên yêu cầu.

5. Trong trường hợp tội phạm được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của Bên yêu cầu, thì việc dẫn độ có thể được chấp thuận nếu pháp luật của Bên được yêu cầu cũng quy định hình phạt đối với các tội phạm được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của mình trong trường hợp tương tự.

6. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều tội khác nhau và mỗi tội đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật của các Bên, nhưng có một số tội không đáp ứng các quy định nêu tại các khoản 1 và 2 của Điều này, thì việc dẫn độ vẫn có thể được chấp thuận đối với các tội phạm này với điều kiện người bị yêu cầu dẫn độ ít nhất phạm một tội là tội có thể bị dẫn độ.

Điều 3. Từ chối dẫn độ

1. Theo quy định của Hiệp định này, dẫn độ sẽ bị từ chối nếu:

a) Việc dẫn độ trái với các quy định của Hiệp định này hoặc pháp luật hoặc các nghĩa vụ quốc tế của Bên được yêu cầu;

b) Tội phạm bị yêu cầu dẫn độ có thể phải chịu hình phạt tử hình theo quy định của pháp luật Bên yêu cầu, trừ khi Bên yêu cầu bảo đảm với Bên được yêu cầu rằng sẽ không tuyên hình phạt tử hình hoặc nếu có tuyên thì cũng không thi hành hình phạt tử hình đó;

c) Người bị yêu cầu dẫn độ đã bị buộc tội, kết án hoặc được tuyên là không có tội tại Bên được yêu cầu về tội phạm được yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án liên quan đến tội phạm này đã được đình chỉ hoặc kết thúc theo pháp luật của Bên được yêu cầu;

d) Việc truy cứu trách nhiệm hình sự không thể thực hiện do quy định về thời hiệu theo pháp luật của Bên được yêu cầu nếu như tội phạm tương tự được thực hiện trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu. Bên được yêu cầu sẽ xem xét các quyết định tạm ngừng thời hiệu theo quy định pháp luật của Bên yêu cầu và

trong trường hợp này, Bên yêu cầu phải cung cấp bản sao có chứng thực các quyết định có liên quan và văn bản pháp luật liên quan đến thời hiệu đó;

e) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân của Bên được yêu cầu;

f) Bên được yêu cầu xem xét mức độ nghiêm trọng của tội phạm và lợi ích của Bên yêu cầu cho rằng việc dẫn độ sẽ không phù hợp với các nguyên tắc về nhân đạo do hoàn cảnh cá nhân của người bị yêu cầu dẫn độ;

g) Theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu, tội phạm bị yêu cầu dẫn độ là tội phạm quân sự, mà không phải là tội phạm hình sự thông thường.

h) Bên được yêu cầu có lý do xác đáng cho rằng yêu cầu dẫn độ được đưa ra nhằm mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc trừng phạt người bị dẫn độ vì lí do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị hoặc người đó có thể bị kết án vì những lí do trên;

i) Nếu Bên được yêu cầu có lí do xác đáng cho rằng người bị yêu cầu đã hoặc sẽ bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc làm nhục ở Bên yêu cầu.

j) Bên được yêu cầu cho rằng việc dẫn độ sẽ ảnh hưởng đến chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự xã hội.

2. Bên yêu cầu sẽ được thông báo bằng văn bản về lí do từ chối toàn bộ hoặc một phần yêu cầu dẫn độ.

Điều 4. Truy cứu trách nhiệm hình sự công dân

1. Nếu dẫn độ bị từ chối chỉ vì lý do quốc tịch của người bị yêu cầu dẫn độ thì theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó. Để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự, Bên được yêu cầu có thể đề nghị Bên yêu cầu gửi các tài liệu có liên quan.

2. Bên được yêu cầu sẽ kịp thời thông báo cho Bên yêu cầu về các hoạt động đã tiến hành liên quan đến yêu cầu dẫn độ cũng như kết quả của các thủ tục tố tụng hình sự liên quan đến vụ án.

Điều 5. Hoãn dẫn độ và dẫn độ tạm thời

1. Nếu người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành một bản án trên lãnh thổ Bên được yêu cầu vì một tội không phải tội bị yêu cầu dẫn độ, thì việc dẫn độ có thể sẽ bị hoãn cho đến khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đến khi chấp hành xong hình phạt

đã tuyên hoặc người đó được miễn hình phạt, Bên yêu cầu sẽ được thông báo về việc hoãn dẫn độ nói trên.

2. Nếu việc hoãn dẫn độ có thể ảnh hưởng đến thời hiệu của việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc gây khó khăn cho việc điều tra tội phạm thì theo đề nghị của Bên yêu cầu và theo quy định pháp luật nước mình, Bên được yêu cầu có thể dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu dẫn độ.

3. Người bị dẫn độ tạm thời sẽ được trả lại Bên được yêu cầu sau khi kết thúc quá trình tố tụng của vụ án hình sự nhưng không được quá chín mươi ngày (90) ngày kể từ ngày người đó bị dẫn độ. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể gia hạn thời gian dẫn độ tạm thời nếu có lý do hợp lý.

Điều 6. Cơ quan trung ương

1. Liên hệ giữa các Bên về việc dẫn độ sẽ được thực hiện thông qua Cơ quan trung ương hoặc qua kênh ngoại giao.

Cơ quan Trung ương theo Hiệp định này là:

- đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Công an

- đối với nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan là Viện Tổng công tố.

2. Trong trường hợp thay đổi tên của Cơ quan trung ương, các Bên sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên kia về việc này thông qua kênh ngoại giao.

Điều 7. Yêu cầu dẫn độ và các tài liệu cần thiết

1. Yêu cầu dẫn độ phải lập bằng văn bản và gửi qua Cơ quan trung ương của các Bên. Tất cả các tài liệu kèm theo yêu cầu dẫn độ phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 9 của Hiệp định này.

Yêu cầu dẫn độ gồm có hoặc kèm theo các thông tin sau:

a) Thời gian và địa điểm lập yêu cầu;

b) Mô tả tóm tắt về tội phạm làm căn cứ để gửi yêu cầu dẫn độ;

c) Tên và địa chỉ Cơ quan trung ương của các Bên;

d) Họ, tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch và nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ và các thông tin khác giúp xác định nhận dạng của người này hoặc địa điểm người này đang có mặt, nếu có;

2. Yêu cầu dẫn độ phải kèm theo:

a) Thông tin cùng với một bản tóm tắt các tình tiết của vụ án;

b) Văn bản pháp luật làm căn cứ xác định tội phạm, hình phạt và thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành bản án đã tuyên;

c) Giấy tờ xác định quốc tịch và nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ, nếu có;

d) Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân, ảnh và dấu vân tay của người bị yêu cầu dẫn độ, nếu có;

3. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến người bị yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự thì ngoài các tài liệu theo quy định tại khoản 2 của Điều này, yêu cầu dẫn độ còn phải kèm theo bản sao lệnh bắt do cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu ban hành.

4. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến một người đã bị yêu cầu dẫn độ để thi hành bản án thì ngoài các tài liệu theo quy định tại khoản 2 của Điều này, yêu cầu dẫn độ còn phải kèm theo:

a) Một bản sao bản án có hiệu lực do tòa án của Bên yêu cầu tuyên;

b) Thông tin về các phần hình phạt đã thi hành.

5. Yêu cầu dẫn độ và các tài liệu kèm theo phải được gửi cùng bản dịch có chứng thực sang ngôn ngữ chính thức của Bên được yêu cầu hoặc sang tiếng Anh.

6. Yêu cầu dẫn độ có thể được gửi thông qua các phương tiện kỹ thuật truyền thông. Bản sao nguyên bản của yêu cầu dẫn độ sẽ đồng thời được gửi qua đường bưu điện.

Điều 8. Thông tin bổ sung

1. Nếu Bên được yêu cầu cho rằng thông tin đã được cung cấp kèm theo yêu cầu dẫn độ là không đầy đủ để tiến hành dẫn độ theo quy định của Hiệp định này, thì có thể yêu cầu cung cấp các thông tin bổ sung trong thời hạn được ấn định.

2. Nếu người bị yêu cầu dẫn độ đang bị giam giữ và các thông tin bổ sung đã được cung cấp theo Hiệp định này là không đầy đủ hoặc không nhận được trong thời hạn ấn định, thì người bị bắt giữ có thể được trả tự do. Việc trả tự do cho người bị yêu cầu dẫn độ không cản trở Bên yêu cầu đưa ra yêu cầu dẫn độ mới đối với người đó.

3. Nếu người bị yêu cầu dẫn độ đã được trả tự do theo quy định tại Khoản 2 Điều này, thì Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Bên yêu cầu.

Điều 9. Sự công nhận các tài liệu

Yêu cầu dẫn độ và các tài liệu kèm theo được chứng nhận bằng cách đóng con dấu của Cơ quan trung ương của các Bên và sẽ được công nhận trong quá trình dẫn độ mà không cần phải chứng nhận, chứng thực và hợp pháp hóa.

Điều 10. Bắt để dẫn độ

1. Trong trường hợp khẩn cấp, các Bên có thể đề nghị bắt giữ người bị yêu cầu dẫn độ trước khi gửi yêu cầu dẫn độ. Yêu cầu bắt để dẫn độ có thể gửi thông qua kênh ngoại giao hoặc thông qua Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) hoặc trực tiếp qua các Cơ quan Trung ương được quy định tại Điều 6 Hiệp định này.

Yêu cầu bắt để dẫn độ có thể được gửi thông qua các phương tiện kỹ thuật truyền thông. Bản sao nguyên bản của yêu cầu dẫn độ sẽ đồng thời được gửi qua đường bưu điện.

2. Yêu cầu bắt để dẫn độ phải bao gồm các tài liệu được quy định tại khoản 1 Điều 7 Hiệp định này và cam đoan rằng tiếp theo yêu cầu bắt để dẫn độ, yêu cầu dẫn độ sẽ được chuyển đến.

3. Sau khi nhận được yêu cầu bắt để dẫn độ, Bên được yêu cầu sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để bắt giữ người bị yêu cầu dẫn độ và thông báo ngay kết quả cho Bên yêu cầu.

4. Người bị bắt giữ có thể được trả tự do nếu Bên yêu cầu không thể đưa ra các tài liệu theo quy định tại Điều 7 của Hiệp định này trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt giữ, việc trả tự do không cản trở việc xem xét yêu cầu dẫn độ đối với người này nếu sau đó nhận được yêu cầu dẫn độ.

5. Vì mục đích dẫn độ, thời gian người bị yêu cầu dẫn độ bị giam giữ sẽ được tính vào tổng thời gian chấp hành hình phạt do tòa án của Bên yêu cầu tuyên.

Điều 11. Dẫn độ lại

Nếu người bị dẫn độ trốn trở lại lãnh thổ của Bên được yêu cầu trước khi các thủ tục tố tụng tại Bên yêu cầu kết thúc đối với người bị dẫn độ hoặc trước khi người người bị dẫn độ thi hành xong bản án tại Bên yêu cầu, thì căn cứ vào yêu cầu dẫn độ mới đối với cùng tội phạm, Bên được yêu cầu có thể dẫn độ lại

người này cho Bên yêu cầu. Trong trường hợp này, Bên yêu cầu không phải gửi kèm theo các tài liệu quy định tại Điều 7 của Hiệp định này.

Điều 12. Nhiều yêu cầu dẫn độ đối với một người

1. Trong trường hợp nhận được yêu cầu dẫn độ từ hai hay nhiều quốc gia đối với cùng một người, bao gồm cả Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ quyết định dẫn độ người bị yêu cầu cho quốc gia nào và thông báo cho quốc gia này cùng với Bên yêu cầu về quyết định đó.

2. Khi quyết định dẫn độ người bị yêu cầu cho quốc gia nào, Bên được yêu cầu sẽ xem xét đến tất cả các yếu tố liên quan, bao gồm:

a) Quốc tịch và nơi thường trú của người bị yêu cầu dẫn độ;

b) Các yêu cầu dẫn độ có được lập theo quy định của một điều ước quốc tế hay không;

c) Thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;

d) Lợi ích của các quốc gia yêu cầu;

e) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;

f) Quốc tịch của nạn nhân;

g) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các quốc gia yêu cầu;

h) Ngày nhận được yêu cầu dẫn độ.

Điều 13. Chuyển giao người bị dẫn độ

1. Ngay khi có quyết định về yêu cầu dẫn độ, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về quyết định đó.

2. Bên được yêu cầu sẽ chuyển giao người bị yêu cầu dẫn độ cho cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu tại một địa điểm trong lãnh thổ của Bên được yêu cầu mà hai Bên chấp thuận.

3. Bên yêu cầu sẽ đưa người bị dẫn độ ra khỏi lãnh thổ của Bên được yêu cầu trong thời hạn mà Bên được yêu cầu ấn định, và nếu hết thời hạn trên mà người bị dẫn độ chưa được chuyển đi, Bên được yêu cầu có thể trả tự do cho người bị dẫn độ và có thể từ chối dẫn độ người này đối với tội phạm đã được yêu cầu dẫn độ.

4. Trong những trường hợp đặc biệt cản trở Bên yêu cầu tiếp nhận người bị dẫn độ, thì phải thông báo cho Bên được yêu cầu biết, trong trường hợp đó sẽ

không áp dụng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này. Khi đó, các Bên sẽ thỏa thuận về thời điểm mới cho việc chuyển giao theo quy định của Điều này.

Điều 14. Chuyển giao tài sản

1. Trong trường hợp đồng ý dẫn độ, phù hợp với quy định pháp luật của Bên được yêu cầu và xét đến quyền và lợi ích của Bên thứ ba, tất cả những tài sản do phạm tội mà có hoặc cần để làm bằng chứng được tìm thấy trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu có thể được chuyển giao theo đề nghị của Bên yêu cầu.

2. Những tài sản được đề cập ở trên sẽ được chuyển giao theo đề nghị của Bên yêu cầu, thậm chí nếu việc dẫn độ không thể thực hiện vì lí do người bị yêu cầu dẫn độ đã chết, hoặc bỏ trốn.

3. Nếu những tài sản đề cập tại khoản 1 của Điều này cần thiết để phục vụ điều tra một vụ án hình sự tại Bên được yêu cầu thì những tài sản này có thể được tạm thời hoãn chuyển giao cho đến khi kết thúc quá trình tố tụng của vụ án đó.

4. Nếu pháp luật của Bên được yêu cầu quy định hoặc vì quyền và lợi ích của Bên thứ ba, bất kỳ tài sản nào bị chuyển giao sẽ được hoàn trả lại miễn phí cho Bên được yêu cầu nếu Bên được yêu đề nghị.

Điều 15. Quy tắc đặc biệt

1. Nếu không có sự đồng ý của Bên được yêu cầu, người bị dẫn độ theo quy định của Hiệp định này sẽ không bị giam giữ, buộc tội hay kết án trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, trừ trường hợp:

a) Tội phạm đó chính là tội phạm bị yêu cầu dẫn độ hoặc tội phạm tuy có tên gọi khác nhưng dựa trên cùng các sự kiện mà theo đó việc dẫn độ đã được đồng ý;

b) Tội phạm được thực hiện sau khi người đó bị dẫn độ;

c) Tội phạm mà Bên được yêu cầu đồng ý với việc buộc tội hoặc kết án người bị dẫn độ.

2. Để thực hiện khoản 1 của Điều này, Bên được yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp các tài liệu được quy định tại Điều 7 của Hiệp định này.

3. Một người bị dẫn độ theo quy định của Hiệp định này, sẽ không bị dẫn độ cho nước thứ ba vì một tội phạm đã thực hiện trước khi người đó bị dẫn độ trừ khi có sự đồng ý của Bên được yêu cầu.

4. Khoản 1 và 3 của Điều này không cản trở việc giam giữ, buộc tội và kết án người bị dẫn độ hoặc dẫn độ người đó cho nước thứ ba, nếu:

a) Người bị dẫn độ rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu sau khi bị dẫn độ và tự nguyện quay trở lại lãnh thổ đó; hoặc

b) Người bị dẫn độ không rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi. Thời hạn này không bao gồm thời gian người bị dẫn độ không thể rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu vì các lí do bất khả kháng.

Điều 16. Thông báo kết quả

Bên yêu cầu thông báo ngay cho Bên được yêu cầu kết quả của việc điều tra vụ án hình sự hoặc thi hành án đối với người bị dẫn độ hoặc chuyển giao người đó cho nước thứ ba.

Điều 17. Quá cảnh

1.Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, việc chuyển giao người bị dẫn độ cho một trong các Bên do nước thứ ba tiến hành có quá cảnh qua lãnh thổ của Bên kia sẽ được phép thực hiện khi có văn bản yêu cầu gửi trực tiếp giữa các Cơ quan trung ương của các Bên hoặc qua kênh ngoại giao hoặc INTERPOL.

Văn bản yêu cầu phải có các thông tin về người được quá cảnh, bao gồm các thông tin về quốc tịch và bản tóm tắt về các tình tiết của vụ án.

Yêu cầu quá cảnh có thể được gửi thông qua các phương tiện kỹ thuật truyền thông. Bản sao nguyên bản của yêu cầu dẫn độ sẽ đồng thời được gửi qua đường bưu điện.

2. Cơ quan Trung ương của các Bên sẽ thống nhất về lộ trình và các điều kiện khác của việc quá cảnh.

3. Trong trường hợp chuyển giao bằng đường hàng không và không hạ cánh trên lãnh thổ của Bên quá cảnh, thì không cần phải xin phép quá cảnh. Nếu tiến hành việc hạ cánh không theo kế hoạch trên lãnh thổ của một trong các Bên, thì Bên đó có thể yêu cầu Bên kia gửi yêu cầu xin quá cảnh theo quy định của Khoản 1 Điều này.

4. Nước quá cảnh sẽ giam giữ người bị chuyển giao cho đến khi việc chuyển giao được tiếp tục với điều kiện sẽ nhận được yêu cầu xin quá cảnh trong vòng bảy mươi hai (72) giờ sau khi hạ cánh không theo kế hoạch.

Điều 18. Chi phí

1. Theo quy định pháp luật trong nước, Bên được yêu cầu sẽ chịu mọi chi phí về các thủ tục trong phạm vi thẩm quyền tài phán của mình liên quan đến việc dẫn độ.

2. Bên yêu cầu sẽ chịu các chi phí phát sinh trong việc chuyển giao người bị dẫn độ từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu, bao gồm cả chi phí quá cảnh.

Điều 19. Tham vấn

1. Theo yêu cầu của Cơ quan trung ương của một trong các Bên, các Cơ quan trung ương sẽ tiến hành tham vấn liên quan đến việc giải thích áp dụng Hiệp định này hoặc giải quyết các yêu cầu cụ thể.

2. Những mâu thuẫn và bất đồng không thể giải quyết thông qua tham vấn và đàm phán giữa các Cơ quan trung ương sẽ được giải quyết thông qua kênh ngoại giao.

Điều 20. Sửa đổi và bổ sung

Việc sửa đổi và bổ sung Hiệp định sẽ được thực hiện khi có sự đồng thuận của các Bên, thông qua việc ký kết các nghị định thư riêng biệt, các nghị định thư đó là những phần không thể tách rời của Hiệp định này và sẽ có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Hiệp định này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn. Hiệp định này có hiệu lực vào ngày thứ sáu mươi (60) kể từ ngày nhận được văn kiện phê chuẩn sau cùng thông qua kênh ngoại giao.

2. Hiệp định này được áp dụng đối với người đã thực hiện tội phạm trước ngày Hiệp định có hiệu lực.

3. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia qua đường ngoại giao. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo đó.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người được ủy quyền đầy đủ của mỗi Bên đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm tại Hà Nội vào ngày 15 tháng 6 năm 2017 thành 02 bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Ca-dắc và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau.

Trong trường hợp xảy ra bất đồng trong việc giải thích Hiệp định này, các Bên sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN
TÔ LÂM	ZHAKYP ASSANOV
Bộ trưởng Bộ Công an	Tổng Thiện tướng

TREATY
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN
ON
EXTRADITION

The Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of Kazakhstan, hereinafter referred to as "Parties",

Desiring to provide for more effective cooperation in combating crimes and to regulate relations between the two countries in the area of extradition,

Have agreed as follows:

Article 1. Obligation to extradite

In accordance with the provisions of this Treaty, each Party shall extradite to the other Party a sought person, located in the territory of the Requested Party, for the purposes of criminal prosecution or execution of sentence in the territory of the Requesting Party for the extraditable offences.

Article 2. Extraditable offences

1. For the purposes of this Treaty, extraditable crimes are crimes, that at the time of the request are punishable in accordance with the legislation of the Parties and for the commitment of which it is prescribed a penalty of imprisonment of not less than one (1) year or more severe punishment.

2. If the extradition request relates to a person sentenced to imprisonment by a court of the Requesting Party for any extraditable offence, the extradition is possible only if the person is sentenced to imprisonment, and unserved term is not less than 6 (six) months.

3. For the purposes of this Article in order to determine whether an act is a crime according to the legislation of the Parties:

a) It is of no importance whether under the legislation of the Parties acts fall under the same category of crimes or a committed offence is identified by the same or different terminology; and

b) Acts of a person, whose extradition is requested, shall be taken into account as a whole and it is of no importance whether component elements of the offence are different in accordance with the legislation of the Parties.

4. If the extradition is requested for the commitment of crimes relating to the violation of customs and tax legislation, legislation in the sphere of currency regulation, the extradition can not be refused on the grounds that the legislation of the Requested Party does not contain the similar tax or customs norms or norms in the sphere of currency regulation as the legislation of the Requesting Party.

5. In case the offence was committed outside the territory of the Requesting Party, the extradition may be granted if the legislation of the Requested Party provides punishments for offences committed outside its territory in similar circumstances.

6. If the extradition request relates to several offences each of which is punishable under the legislation of the Parties, but some of them do not contain the elements set out in paragraphs 1 and 2 of this Article, the extradition may be granted for these offences taking into account that the person can be extradited at least for one extraditable offence.

Article 3. Refusal of extradition

1. The extradition shall not be granted under this Treaty, if:

a) Extradition contradicts the provisions of this Treaty, legislation or international obligations of the Requested Party;

b) A crime, in regard of which the extradition request is submitted, is punishable by death penalty according to the legislation of the Requesting Party, unless the Requesting Party provides the Requested Party with sufficient assurances that the death penalty for the person sought will not be imposed or if it is imposed, will not be executed;

c) A person sought has been accused, sentenced or acquitted in the territory of the Requested Party for an offence for which extradition is requested or the case concerning this crime was suspended or terminated according to the legislation of the Requested Party;

d) The prosecution is impossible due to expiry of statute of limitations under the legislation of the Requested Party, if the same crime would be committed in its territory. Resolutions that would suspend the statute of limitations under the law of the Requesting Party shall be recognized by the Requested Party, and in this regard the Requesting Party shall provide a certified copy of the relevant resolution and a written statement of the relevant provisions of its law relating to the statute of limitations;

e) A person, in respect of whom extradition is requested, is a citizen of the Requested Party;

f) The Requested Party, taking into account the seriousness of a crime and interests of the Requesting Party, considers that due to personal circumstances of a person sought the extradition will be incompatible with principles of humanism;

g) An act, for the commitment of which the extradition is requested, is a military crime under the legislation of the Requested Party, which is not a crime under ordinary criminal legislation;

h) The Requested Party has substantial reasons to suppose that the extradition request has been presented with a view of accusation or punishment of a person sought due to race, religion, gender, nationality, ethnic, social origin or political motives or that the person may be sentenced based on any of these reasons;

i) The Requested Party has substantial reasons to suppose that the person sought has been or will be subjected to torture or other cruel, inhuman or degrading treatment or punishment in the Requesting Party;

j) The Requested Party considers that the extradition may jeopardize its sovereignty, national security and public order.

2. The Requesting Party shall be notified in writing of reasons of full or

partial refusal of the extradition request.

Article 4. Prosecution of citizens

1. If the extradition is refused only on the ground of citizenship of a person sought, the Requested Party shall prosecute the person upon the request of the Requesting Party. For this purpose, the Requested Party may inquire the Requesting Party to send the relevant documents.

2. The Requested Party timely informs the Requesting Party on the actions taken with regard to the request, and on outcomes of criminal proceeding regarding the case.

Article 5. Postponement of extradition and temporary extradition

1. If a person, whose extradition is requested, is brought to the criminal responsibility or serves a sentence for another crime in the territory of the Requested Party, the extradition may be postponed until the completion of the proceedings, serving the punishment or his/her release from the punishment, the Requesting Party shall be informed about this.

2. If the postponement of the extradition may lead to expiry of statute of limitations of the criminal prosecution or impede the investigation of a crime, the Requested Party may under its legislation temporarily extradite the person, whose extradition is requested upon the request of the Requesting Party.

3. The person extradited temporarily shall be returned to the Requested Party after the completion of the proceeding of the criminal case but not later than ninety (90) days from the day of his/her extradition. The Requested Party may upon the request extend the period of temporary extradition if there are reasonable grounds for such extension.

Article 6. Central authorities

1. Communications on extradition matters between the Parties shall be conducted through their Central Authorities or diplomatic channels.

The Central Authorities mentioned in this Treaty are:

- for the Socialist Republic of Viet Nam – Ministry of Public Security;

- for the Republic of Kazakhstan - Prosecutor General's Office.

2. In case of any changes in the names of the Central Authorities, the Parties shall promptly inform each other about this through diplomatic channels.

Article 7. Extradition request and required documents

1. The extradition request shall be made in writing and sent through Central Authorities of the Parties. All documents, accompanying the extradition request shall be certified in accordance with Article 9 of this Treaty.

The extradition request shall include the following information:

a) Date and place of the request;

b) Brief description of the crime committed which made the basis of sending the extradition request;

c) Name and address of the Central Authorities of the Parties; and

d) Full name, gender, date of birth, citizenship and residence/registration of a sought person and, if available, any other information that will help to identify the person or his/her location;

2. The extradition request shall be accompanied by the following:

a) Information with a statement of facts of the case;

b) Text of a law based on which the act is considered as a crime, text of a law determining the punishment for the crime and the time limit for prosecution or enforcement of the sentence imposed;

c) Documents certifying the citizenship and residence/registration of the person sough (if available); and

d) A copy of identity document, photos and fingerprints of the person sough (if available).

3. If the extradition request relates to a person requested for criminal prosecution, the request shall be accompanied by the documents mentioned in

the paragraph 2 of this Article and a copy of decision of arrest issued by the competent authority of the Requesting Party.

4. When the extradition request relates to a person requested for the execution of the sentence, the request shall be accompanied by the documents mentioned in the paragraph 2 of this Article and the following:

a) Copy of the final sentence issued by a court of the Requesting Party;

b) Information on the served part of the sentence.

5. The request for extradition and its supporting documents shall be accompanied by a certified translation into the official language of the Requested party or in English.

6. The extradition request of a person can be conveyed through technical means of communication. The original copy of the request shall be sent simultaneously by post.

Article 8. Supplementary information

1. If the Requested Party considers that information presented in the extradition request is not sufficient according to this Treaty to grant the extradition request, it may request supplementary information during the agreed period of time.

2. If a person, in respect of whom extradition is requested, is in custody and the presented supplementary information is not sufficient in accordance with this Treaty or has not been received during the agreed period of time, the person may be released from custody. Such release shall not impede the Requesting Party to send a new extradition request.

3. If a person has been released from custody according to paragraph 2 of this Article, the Requested Party shall timely inform the Requesting Party about it.

Article 9. Admissibility of documents

The extradition request and required documents certified by the stamp of the Central Authority of the Party shall be admissible for the extradition

procedure of a person sought without any further certification, authentication and legalization.

Article 10. Arrest for extradition

1. In urgent cases, the Parties may request an extradition arrest of a person sought before submitting the extradition request. The request for extradition arrest may be transferred through diplomatic channels or INTERPOL or directly by the Central Authorities mentioned in Article 6 of this Treaty.

The request for extradition arrest can be conveyed through technical means of communication. The original copy of the request shall be sent simultaneously by post.

2. The request for extradition arrest shall contain the information indicated in paragraph 1 of Article 7 of this Treaty and the assurance that the extradition request will be sent.

3. The Requested Party after receiving such request shall take necessary measures to arrest the person sought and inform the Requesting Party about the results without delay.

4. The arrested person may be released if the Requesting Party can not present the relevant documents mentioned in Article 7 of this Treaty during thirty (30) days from the date of the arrest, provided that such release shall not impede the consideration of the extradition request regarding the person sought if the request has been subsequently received.

5. For the purpose of extradition, detention period of a person shall be accounted for the total term of serving the sentence imposed by decision of the court of the Requesting Party.

Article 11. Re-extradition

Where the person under extradition escapes back to the Requested Party before the criminal proceeding is terminated or his/her sentence is served in the Requesting Party, that person may be re-extradited upon a fresh request for extradition made by the Requesting Party in respect of the same offence. In

such case, the Requesting Party need not submit the documents and material provided for in Article 7 of this Treaty.

Article 12. Concurrent requests

1. If extradition requests of the person are received from two or more states, including the Requesting Party, the Requested Party shall determine to which state the person shall be extradited and inform this state about its decision, as well as the Requesting Party.

2. In determining to which state the person shall be extradited, the Requested Party shall take into account all factors, including the following:

a) Citizenship and place of residence of a person sought;

b) Whether the requests are made in accordance with an international treaty;

c) Time and place of committing the crime;

d) Interests of the requesting states;

e) Seriousness of the committed crime;

f) Citizenship of the victim;

g) Possibility of further extradition between the requesting states;

h) Date of the receipt of requests.

Article 13. Transfer of person

1. The Requested Party shall, upon deciding on the extradition request, promptly inform the Requesting Party of its decision.

2. The Requested Party shall transfer the person sought to the competent authorities of the Requesting Party on the territory of the Requested Party in a place acceptable for both Parties.

3. The Requesting Party shall take out the person from the territory of the Requested Party during the period of time fixed by the Requested Party and if the person has not been brought out within that period of time, the Requested

Party may release the person from the custody and may refuse to extradite him/her for this crime.

4. If exceptional circumstances impede the Requesting Party to take out the extradited person, the other Party shall be informed about it, and in this case, the terms of paragraph 3 of this Article shall not be applied. In such a case, the Parties shall mutually agree on the new date of transfer under this Article.

Article 14. Transfer of property

1. In case of granting the extradition request, all property found in the territory of the Requested Party, which was acquired by the extradited person as a result of a crime or may be required as material evidence, shall, in accordance with the legislation of the Requested Party and taking into account the rights and interests of third parties, be transferred to the Requesting Party upon the request.

2. The above-mentioned property shall be transferred to the Requesting Party upon its request, even if the extradition cannot be granted due to death or escape of the person sought.

3. If the property mentioned in paragraph 1 of this Article is required for the Requested Party to investigate a criminal case, it may temporarily postpone its transfer until the completion of the proceedings.

4. If legislation of the Requested Party or rights and interests of third parties require so, any transferred property shall be returned free of charge to the Requested Party upon its request.

Article 15. The rule of specialty

1. A person extradited according to this Treaty shall not be detained, accused or convicted in the Requesting Party without the consent of the Requested Party for other crime, except for:

a) A crime, for which the extradition has been granted or a crime having another name based on the same facts for which the extradition was granted;

b) A crime committed after the extradition of a person;

c) A crime for which the Requested Party agreed to accuse or sentence the extradited person.

2. In order to implement paragraph 1 of this Article, the Requested Party may require to provide the documents mentioned in Article 7 of this Treaty.

3. A person, extradited according to this Treaty, can not be extradited to the third state for the crime committed prior to his/her extradition without the consent of the Requested Party.

4. Paragraphs 1 and 3 of this Article do not impede the detention, accusation and conviction of an extradited person or his/her extradition to the third state, if:

a) A person leaves the territory of the Requesting Party after his/her extradition and voluntarily returns there;

b) A person does not leave the territory of the Requesting Party within thirty (30) days from the day when the person had the opportunity to leave it. This term does not include the period when the person extradited could not leave the territory of the Requesting Party for reasons beyond his/her control.

Article 16. Notification about results

The Requesting Party shall promptly inform the Requested Party about the results of the investigation on criminal case or execution of sentence relating to the extradited person or transfer of the person to a third state.

Article 17. Transit

1. To the extent permitted by the legislation of the Parties, the transit transportation of a person extradited to one of the Parties by a third state through the territory of the other Party shall be permitted upon written requests, submitted directly through Central Authorities of the Parties or through diplomatic channels or INTERPOL.

The request shall contain information about the person to be transited, including information on his/her citizenship and a brief description of circumstances of the case.

The request for transit can be conveyed through technical means of communication. The original copy of the request shall be sent simultaneously by post.

2. The Central Authorities of the Parties shall agree on the route and other terms of transit transportation.

3. There is no necessity to obtain permission for transit if it is carried out by air transport without temporary landing in the territory of the state of transit. If an unscheduled landing takes place in the territory of one of the Parties, it may require to send a transit request as provided by paragraph 1 of this Article.

4. The state of transit shall keep in custody the transferred person until the transfer is resumed, provided that the transit request will be received within seventy two (72) hours after the unscheduled landing.

Article 18. Costs

1. The Requested Party in accordance with its legislation shall bear the costs of all procedures in its jurisdiction relating to the extradition.

2. The Requesting Party shall bear the costs on the transfer of the person from the territory of the Requested Party, including transit costs.

Article 19. Consultations

1. Upon the request of Central Authority of one of the Parties, the Central Authority may hold consultations concerning the interpretation and application of this Treaty or settlement of particular requests.

2. Disputes and disagreements which have not been settled through consultations and negotiations between the Central Authorities, shall be settled by the Parties through diplomatic channels.

Article 20. Amendments and supplements

Upon the mutual consensus of the Parties amendments and supplements may be made in this Treaty, which are formalized by separate protocols and become integral parts of this Treaty, shall enter into force in accordance with the paragraph 1 of Article 21 of this Treaty.

Article 21. Entry into force and termination of the Treaty

1. This Treaty is subject to ratification. This Treaty enters into force on the sixtieth (60th) day from the date of receipt through diplomatic channels of the last written notification of its ratification.

2. This Treaty is applicable to the person, who committed crime before the date of its entry into force.

3. Either Party has a right to terminate the present Treaty by giving notification about it in writing to the other Party through diplomatic channels. This Treaty shall be terminated six (6) months after the date on which such notification is received by the other Party.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned being duly authorized thereto, have signed this Treaty.

Done in Ha Noi on 15th June 2017 in two copies, each in the Vietnamese, Kazakh and English languages, all texts being equally authentic.

In case of disagreements on interpretation of this Treaty, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN
TO LAM Minister of Public Security	Zhakyp Assanov Prosecutor General

Вьетнам Социалистік Республикасы мен Қазақстан Республикасы арасындағы ұстап беру туралы
ШАРТ

Бұдан әрі «Тараптар» деп аталатын Вьетнам Социалистік Республикасымен Қазақстан Республикасы

қылмыстылыққа қарсы күресте неғұрлым тиімді ынтымақтастықты қамтамасыз етуге және екі мемлекет арасындағы ұстап беру саласындағы қатынастарды реттеуге ниет білдіре отырып,

төмендегілер туралы уағдаласты:

1-бап. Ұстап беру міндеттемесі

Әрбір Тарап осы Шарттың ережелеріне сәйкес екінші Тарапқа ұстап беруге әкеп соғатын қылмыстар үшін Сұрау салушы Тараптың аумағында қылмыстық қудалау немесе сот үкімін орындау мақсатында іздестіріліп жатқан, Сұрау салынатын Тараптың аумағында жүрген адамды ұстап беруге міндеттенеді.

2-бап. Ұстап беруге әкеп соғатын қылмыстар

1. Осы Шарт мақсатында ұстап беруге әкеп соғатын қылмыстар деп сұрау салу жіберілгенкезде Тараптардың заңнамасына сәйкес жазаланатын және оларды жасағаны үшін кемінде 1 (бір) жыл мерзімге бас бостандығынан айыру түріндегі жаза немесе одан қатаң жаза көзделетін қылмыстар танылады.

2. Егер ұстап беру туралы сұрау салу өзін ұстап беруге әкеп соғатын кез келген қылмыс үшін Сұрау салушы Тараптың соты бас бостандығынан айыруға соттаған адамға қатысты болса, ұстап беру адам бас бостандығынан айыруға сотталған және өтелмеген мерзімі кемінде 6 (алты) айды құраған жағдайда ғана мүмкін болады.

3. Осы баптың мақсатында жасалған іс-әрекет Тараптардың заңнамасына сәйкес қылмыс болып табылатынын-табылмайтынын айқындау үшін:

а) Тараптардың заңнамасы бойынша іс-әрекеттің қылмыстардыңбір санатынажатқызылатыны-жатқызылмайтыны немесе жасалған қылмыстың бірдей немесе әртүрлі терминологиямен аталатыны маңызды емес; және

b) ұстап берілуі сұратылып отырған адамның іс-әрекеттері тұтастай алғанда назарға алынады және егер Тараптардың заңнамасына сәйкес қылмыстың құрамдас белгілері ерекшеленсе, маңызды емес.

4. Егер ұстап беру кеден, салық заңнамасын, валюталық реттеу саласындағы заңнаманы бұзушылықтарға байланысты қылмыстар жасағаны үшін сұратылса, Сұрау салынатын Тараптың заңнамасында Сұрау салушы Тараптың заңнамасындағыға ұқсас салық немесе кеден нормасының немесе валюталық реттеу саласындағы норманың қамтылмауы себептері бойынша ұстап беруден бас тартуға болмайды.

5. Егер қылмыс Сұрау салушы Тараптың аумағынан тыс жерде жасалса, ұстап беру Сұрау салынатын Тараптың заңнамасында дәл осындай мән-жайлар кезінде оның аумағынан тыс жерде жасалған қылмыстар үшін жаза көзделетін жағдайда қанағаттандырылуы мүмкін.

6. Егер ұстап беру туралы сұрау салу әрқайсысы Тараптардың заңнамасында жазаланатын, бірақ олардың кейбіреулері осы баптың 1, 2-тармақтарында көрсетілген белгілерді қамтымайтын бірнеше қылмыстарға қатысты болса, адамның ұстап беруге әкеп соғатын кемінде бір қылмыс үшін ұстап берілуі мүмкін екені ескеріле отырып, осы қылмыстар үшін ұстап беру жүзеге асырылуы мүмкін.

3-бап. Ұстап беруден бас тарту

1. Егер:

a) ұстап беру осы Шарттыңережелеріне, Сұрау салынатын Тараптың заңнамасынанемесе халықаралық міндеттемелеріне қайшы келсе;

b) егер Сұрау салушы Тарап Сұрау салынатын Тарапқа іздестіріліп жатқан адамға өлім жазасы тағайындалмайтыны, ал тағайындалған жағдайда, орындалмайтыны туралы жеткілікті кепілдіктер бермесе ғана, оған байланысты ұстап беру туралы сұрау салу жіберілген қылмыс Сұрау салушы Тараптың заңнамасы бойынша өлім жазасымен жазаланатын болса;

c) оған байланысты өзін ұстап беру талап етіліп отырған қылмыс үшін іздестіріліп жатқан адамға Сұрау салынатын Тараптың аумағында айыптағылса, ол сотталса немесе ақталса немесе бұл қылмыс туралы іс Сұрау салынатын Тараптың заңнамасына сәйкес қысқартылған не тоқтатылған болса;

d) егер дәл осындай қылмыс Сұрау салынатын Тараптың аумағында жасалса, оның заңнамасы бойынша ескіру мерзімдерінің өтуіне байланысты қылмыстық қудалауды жүзеге асыру мүмкін болмаса, осы Шарттың шеңберінде ұстап беру жүргізілмейді. Сұрау

салушы Тараптың заңнамасы бойынша ескіру мерзімдерінің өтуін тоқтата тұруға байланысты шешімдерді Сұрау салынатын Тарап мойындайды және бұл жағдайда Сұрау салушы Тарап тиісті шешімнің куәландырылған көшірмесін және ескіру мерзімдеріне қатысты өз заңнамасының тиісті ережелерінен үзінді көшірмені ұсынуға тиіс;

e) ұстап берілуі сұратылып отырған адам Сұрау салынатын Тараптың азаматы болып табылса;

f) Сұрау салынатын Тарап қылмыстың ауырлығын және Сұрау салушы Тараптың мүдделерін ескере отырып, іздестіріліп жатқан адамның жеке мән-жайларысалдарынаносы ұстап беру ізгілік қағидаттарына үйлеспейді деп есептесе;

g) оған байланысты ұстап беру сұратылып отырған іс-әрекет Сұрау салынатын Тараптың заңнамасы бойынша әдеттегі қылмыстық заңнамаға сәйкес қылмыс болып табылмайтын әскери қылмыстарға жататын болса;

h) Сұрау салынатын Тараптың ұстап беру туралы сұрау салу іздестіріліп жатқан адамды нәсілдік, діни, жыныстық, ұлттық, этникалық, әлеуметтік тиесілігі себептері бойынша немесе саяси себептер бойынша айыптау немесе жазалау мақсатында ұсынылған немесе адам осы себептердің кез келгені бойынша сотталуы мүмкін деп пайымдауға негізді себептері болса;

i) Сұрау салынатын Тараптың іздестіріліп жатқан адам Сұрау салушы Тарапта азаптауларға немесе басқа да қатыгез, адамгершілікке жатпайтын немесеқадір-қасиетті қорлайтын қарым-қатынасқа немесе жазалауға тартылды немесе тартылады деп пайымдауға негізді себептері болса;

j) Сұрау салынатын Тарап ұстап беру егемендікке, ұлттық қауіпсіздікке, қоғамдық тәртіпке қауіп-қатер төндіреді деп есептесе, осы Шарттың шеңберінде ұстап беру жүргізілмейді.

2. Сұрау салушы Тарап ұстап беру туралы сұрау салуды қанағаттандырудан толық немесе ішінара бас тарту себептері туралы жазбаша хабардар етілуге тиіс.

4-бап. Азаматтарды қылмыстық қудалау

1. Егер ұстап беруден іздестіріліп жатқан адамның азаматтығы негізінде ғана бас тартылса, Сұрау салынатын Тарап Сұрау салушы Тараптың сұрау салуы бойынша адамды қылмыстық қудалауға ұшыратуға тиіс. Осы мақсатта Сұрау салынатын Тарап Сұрау салушы Тараптан тиісті құжаттарды жіберу туралы сұрата алады.

2. Сұрау салынатын Тарап Сұрау салушы Тарапқа сұрау салу бойынша қабылданған іс-қимылдар туралы және іс бойынша сот талқылауының нәтижелері туралы уақтылыхабарлайды.

5-бап. Ұстап беруді кейінге қалдыру және уақытша ұстап беру

1. Егер ұстап берілуі сұратылып отырған адам Сұрау салынатын Тараптың аумағында басқа қылмыс үшін қылмыстық жауаптылыққа тартылса немесе жазасын өтеп жатса, онда ұстап беру іс бойынша іс жүргізу аяқталғанға, жазасын өтегенге немесе жазадан босатылғанға дейін кейінге қалдырылуы мүмкін, бұл туралы Сұрау салушы Тарап хабардар етіледі.

2. Егер ұстап беруді кейінге қалдыру қылмыстық қудалаудың ескіру мерзімдерінің өтуіне әкеп соғуы мүмкін болса немесе қылмысты тергеп-тексеруді едәуір қиындататын болса, онда Сұрау салынатын Тарап Сұрау салушы Тараптың сұрау салуы бойынша және өзінің заңнамасына сәйкес ұстап берілуі сұратылып отырған адамды уақытша ұстап бере алады.

3. Уақытша ұстап берілген адам қылмыстық іс бойынша іс жүргізу аяқталғаннан кейін, бірақ оны берген күннен бастап 90 (тоқсан) тәуліктен кешіктірмей, Сұрау салынатын Тарапқа қайтарылуға тиіс. Егер мұндай ұзарту үшін жеткілікті негіздер болса, Сұрау салынатын Тарап сұрау салу бойынша уақытша ұстап берукезеңін ұзарта алады.

6-бап. Орталық органдар

1. Ұстап беру мәселелері бойынша қарым-қатынастарды Тараптар өздерінің Орталық органдары арқылы немесе дипломатиялық арналар арқылы жүзеге асырады.

Осы Шартта айтылған Орталық органдарға:

Вьетнам Социалистік Республикасы үшін – Қоғамдық қауіпсіздік министрлігі;

Қазақстан Республикасы үшін - Бас прокуратуражатады.

2. Орталық органдардың атаулары өзгерген кезде Тараптар бұл туралы дипломатиялық арналар арқылы бір-бірін дереу хабардар етеді.

7-бап. Ұстап беру туралы сұрау салу және қажетті құжаттар

1. Ұстап беру туралы сұрау салу жазбаша ресімделуге және Тараптардың Орталық органдары арқылы жіберілуге тиіс. Ұстап беру

туралы сұрау салуға ілеспе барлық құжаттар осы Шарттың 9-бабына сәйкес куәландырылуға тиіс.

Ұстап беру туралы сұрау салуда мынадай ақпарат:

a) сұрау салудың күні мен орны;

b) ұстап беру туралы сұрау салуды жіберу үшін негіз болған, жасалған қылмыстың қысқаша мазмұндамасы;

c) Тараптардың Орталық органдарының атауы мен мекенжайы;

d) іздестіріліп жатқан адамның ТАӘ, жынысы, туған күні, азаматтығы мен тұратын/тіркелген орны және бар болған кезде жеке басын сәйкестендіру немесе оның орналасқан жерін анықтау үшін ықпал етуі мүмкін кез келген басқа да ақпаратқамтылуға тиіс.

2. Ұстап беру туралы сұрау салуға мыналар:

a) істің мән-жайлары баяндалған ақпарат;

b) соның негізінде іс-әрекет қылмыс деп танылатын заңның мәтіні, қылмыс үшін жаза және соның ішінде қылмыстық қудалауды немесе тағайындалған үкімді орындау қажет болатын мерзімді белгілейтін заңның мәтіні;

c) іздестіріліп жатқан адамның азаматтығы және тұратын/тіркелген орны (бар болған кезде) туралы куәландыратын құжаттар; және

d) іздестіріліп жатқан адамның жеке басын куәландыратын құжаттың көшірмесі, сондай-ақ фотосуреттері мен саусақ таңбасы(бар болған кезде) қоса берілуге тиіс.

3. Егер ұстап беру туралы сұрау салу қылмыстық қудалау мақсатында сұратылып отырған адамға қатысты болған кезде, сұрау салуға осы баптың 2-тармағында көрсетілген құжаттар және Сұрау салушы Тараптың құзыретті органы берген қамаққа алу туралы шешімнің көшірмесі қоса беріледі.

4. Ұстап беру туралы сұрау салу сот үкімін орындау мақсатында сұратылып отырған адамға қатысты болған кезде, сұрау салуға осы баптың 2-тармағында көрсетілген құжаттар және мыналар:

a) Сұрау салушы Тараптың соты шығарған түпкілікті үкімнің көшірмесі;

b) жазаның өтелген бөлігі туралы ақпараткоса беріледі.

5. Ұстап беру туралы сұрау салу және қоса берілетін құжаттар Сұрау салынатын Тараптың ресми тіліндегі немесе ағылшын тіліндегі куәландырылған аудармасымен қоса берілуге тиіс.

6. Ұстап беру туралы сұрау салу техникалық коммуникацияларқұралдары пайдаланыла отырып берілуі мүмкін. Сұрау салудың түпнұсқасы бір мезгілде поштамен жіберілуге тиіс.

8-бап. Қосымша ақпарат

1. Егер Сұрау салынатын Тарап ұстап беру туралы сұрау салуда ұсынылған ақпаратты осы Шартқа сәйкес ұстап беру туралы сұрау салуды қанағаттандыру үшін жеткіліксіз деп есептесе, ол келісілген мерзім ішінде қосымша ақпаратты сұрата алады.

2. Егер ұстап берілуі сұратылған адам күзетпен ұсталса, ал ұсынылған қосымша ақпарат осы Шартқа сәйкес жеткіліксіз болса немесе келісілген мерзім ішінде алынбаса, адам күзетпен ұстаудан босатылуы мүмкін. Мұндай босату Сұрау салушы Тарапқа ұстап беру туралы жаңа сұрау салуды ұсынуға кедергі келтірмеуге тиіс.

3. Егер адам осы баптың 2-тармағына сәйкес күзетпен ұстаудан босатылса, Сұрау салынатын Тарап бұл туралы Сұрау салушы Тарапқауақтылы хабарлауға тиіс.

9-бап. Құжаттардың жарамдылығы

Тараптың Орталық органының мөрімен куәландырылған ұстап беру туралы сұрау салу және қажетті құжаттар іздестіріліп жатқан адамды ұстап беру рәсімінде бұдан әрі сертификаттаусыз, төлнұсқалығын анықтаусыз және заңдастырусыз жарамды болуға тиіс.

10-бап. Ұстап беру мақсатында қамаққа алу

1. Кезек күттірмейтін жағдайларда Тараптар ұстап беру туралы сұрау салу берілгенге дейін іздестіріліп жатқан адамға қатысты экстрадициялық қамаққа алуды сұрата алады. Экстрадициялық қамаққа алу туралы сұрау салу дипломатиялық арналар немесе Интерпол арқылы жіберілуі мүмкін не осы Шарттың 6-бабында айтылған Орталық органдар оны тікелей жібере алады.

Қамаққа алу туралы сұрау салу техникалық коммуникацияларқұралдары пайдаланыла отырып берілуі мүмкін. Сұрау салудың түпнұсқасы бір мезгілде поштамен жіберілуге тиіс.

2. Экстрадициялық қамаққа алу туралы сұрау салуда осы Шарттың 7-бабының 1-тармағында көрсетілген ақпарат және ұстап беру туралы сұрау салудың ұсынылатыны туралы кепілдік қамтылуға тиіс.

3. Осындай сұрау салуды алғаннан кейін Сұрау салынатын Тарап іздестіріліп жатқан адамды қамаққа алу үшін қажетті шараларды

қолдануға және нәтижелері туралы Сұрау салушы Тараптыдереу хабардар етуге тиіс.

4. Егер Сұрау салушы Тарап осы Шарттың 7-бабында көрсетілген қажетті құжаттарды қамаққа алған күннен бастап 30 (отыз) тәулік ішінде бере алмаса, мұндай босату, егер сұрау салу кейіннен алынса, іздестіріліп жатқан адамды ұстап беру туралы сұрау салуды қарауға кедергі келтірмейді деген шартпен қамаққа алынған адам босатылуы мүмкін.

5. Ұстап беру мақсатында адамның күзетпен ұсталған уақыты Сұрау салушы Тарапта шығарылатын сот үкімі бойынша тағайындалатын жазаны орындаудың жалпы мерзіміне есептеледі.

11-бап. Қайта ұстап беру

Егер ұстап беру туралы сұрау салуда көрсетілген адам Сұрау салушы Тарапта қылмыстық талқылау біткенге немесе жазасын өтеу мерзімі аяқталғанға дейін Сұрау салынатын Тарапқа қайта оралса, онда осы адам Сұрау салушы Тараптан нақ сол қылмысқа қатысты ұстап беру туралы жаңа сұрау салу алынған жағдайда қайта ұстап берілуі мүмкін. Мұндай жағдайда Сұрау салушы Тараптыңосы Шарттың 7-бабында көрсетілген құжаттар мен материалдарды беруіталап етілмейді.

12-бап. Бәсекелес сұрау салулар

1. Егер бір адамды ұстап беру туралы сұрау салулар екі немесе одан да көп мемлекеттен, оның ішінде Сұрау салушы Тараптаналынса, Сұрау салынатын Тарап өз шешімі туралы сол мемлекетті, сондай-ақ екінші Сұрау салушы Тарапты хабардар ете отырып,адамның қай мемлекетке ұстап берілетінін айқындауғатиіс.

2. Адамның қай мемлекетке ұстап берілуге тиіс екендігін айқындау кезінде Сұрау салынатын Тарап мыналарды:

a) іздестіріліп жатқан адамның азаматтығы мен тұратын жерін;

b) сұрау салулар халықаралық шартқа сәйкес жасалғанын-жасалмағанын;

c) қылмыс жасалған уақыт пен орынды;

d) сұрау салушы мемлекеттердің мүдделерін;

e) жасалған қылмыстың ауырлығын;

f) жәбірленушінің азаматтығын;

g) сұрау салушы мемлекеттер арасында одан әрі ұстап беру мүмкіндігін;

h) сұрау салулардың алынған күндерін қоса алғанда, барлық факторларды ескеруге тиіс.

13-бап. Адамды беру

1. Сұрау салынатын Тарап ұстап беру туралы сұрау салу бойынша шешім қабылдағаннан кейін өзінің шешімі туралы Сұрау салушы Тарапқа дереу хабарлайды.

2. Сұрау салынатын Тарап іздестіріліп жатқан адамды Сұрау салынатын Тараптың аумағында екі Тарапқа да қолайлы жерде Сұрау салушы Тараптың құзыретті органдарына береді.

3. Сұрау салушы Тарап адамды Сұрау салынатын Тарап белгілейтін уақыт кезеңі ішінде Сұрау салынатын Тараптың аумағынан әкетуге тиіс және егер адам осы уақыт кезеңі ішінде әкетілмесе, Сұрау салынатын Тарап адамды күзетпен ұстаудан босата алады және осы қылмыс бойынша оны ұстап беруден бас тарта алады.

4. Егер ерекше мән-жайлар Сұрау салушы Тарапқа ұстап берілген адамды әкетуге кедергі келтірсе, бұл туралы екінші Тарап хабардар етіледі және бұл жағдайда осы баптың 3-тармағының талаптары қолданылмайды. Мұндай жағдайда Тараптар осы бапқа сәйкес адамды берудің жаңа күні туралы өзара уағдаласуға тиіс.

14-бап. Меншікті беру

1. Ұстап беру туралы сұрау салу қанағаттандырылған жағдайда Сұрау салынатын Тараптың аумағында табылған, ұстап берілген адам қылмыстың салдарынан алған немесе заттай айғақтар ретінде талап етілуі мүмкін барлық меншік Сұрау салынатын Тараптың заңнамасына сәйкес және үшінші тұлғалардың құқықтары мен мүдделері ескеріле отырып, Сұрау салушы Тараптың сұрау салуы бойынша берілуге тиіс.

2. Жоғарыда айтылған меншік, егер ұстап беруді іздестіріліп жатқан адамның өліміне немесе қашып кетуіне байланысты қанағаттандыру мүмкін болмаса да, Сұрау салушы Тараптың сұрау салуы бойынша оған берілуге тиіс.

3. Егер осы баптың 1-тармағында көрсетілген меншік Сұрау салынатын Тарапта қылмыстық істі терген-тексеру үшін талап етілсе, ол оны беруді іс жүргізу аяқталғанға дейін уақытша кейінге қалдыра алады.

4. Егер Сұрау салынатын Тараптың заңнамасы немесе үшінші тараптардың құқықтары мен мүдделері осыны талап етсе, кез келген берілген меншік Сұрау салынатын Тарапқа оның сұрау салуы бойынша өтеусіз қайтарылуға тиіс.

15-бап. Арнайы қағида

1. Осы Шартқа сәйкес ұстап берілген адамды Сұрау салынатын Тараптың келісімінсіз:

a) сол бойынша ұстап беру қанағаттандырылған немесе сол бойынша ұстап беру қанағаттандырылған, нақ сол фактілерге негізделген басқаша аталатын қылмыс бойынша қылмыстан;

b) ұстап беруден кейін жасалған қылмыстан;

c) сол бойынша Сұрау салынатын Тарап ұстап берілген адамды айыптауға немесе соттауға келісім берген қылмыстан басқа, өзге қылмыс үшін Сұрау салушы Тарапта ұсталуға, айыпталуға немесе сотталуға болмайды.

2. Осы баптың 1-тармағын іске асыру мақсатында Сұрау салынатын Тарап осы Шарттың 7-бабында көрсетілген құжаттарды беруді талап ете алады.

3. Осы Шартқа сәйкес ұстап берілген адамды Сұрау салынатын Тараптың келісімінсіз, ол ұстап берілгенге дейін жасаған қылмысы үшін үшінші мемлекетке ұстап беруге болмайды.

4. Осы баптың 1 және 3-тармақтары, егер:

a) адам оны ұстап бергеннен кейін Сұрау салушы Тараптың аумағынан кетіп қалса және өз еркімен қайта оралса;

b) адам Сұрау салушы Тараптың аумағынан еркін кетіп қалу мүмкіндігі болған күннен бастап 30 (отыз) тәулік ішінде одан кетпесе, ұстап берілген адамды ұстауға, айыптауға және соттауға немесе осы адамды үшінші мемлекетке ұстап беруге кедергі келтірмейді. Ұстап берілген адам өзіне байланысты емес себептермен Сұрау салушы Тараптың аумағынан кете алмаған уақыт бұл мерзімге есептелмейді.

16-бап. Нәтижелер туралы хабарламалар

Сұрау салушы Тарап ұстап берілген адамға қатысты қылмыстық істі тергеп-тексерудің немесе сот үкімін орындаудың нәтижелері туралы не адамды үшінші мемлекетке бергені туралы Сұрау салынатын Тарапқа дереу хабарлауға міндетті.

17-бап. Транзит

1. Тараптардың заңнамасында жол берілетін шеңберде, үшінші мемлекет бір Тарапқа ұстап берген адамды екінші Тараптың аумағы арқылы транзиттік тасымалдауға тікелей Тараптардың Орталық органдары арқылы, дипломатиялық арналар арқылы немесе Интерпол арналары арқылы жіберілген жазбаша сұрау салу бойынша рұқсат етілуге тиіс.

Сұрау салуда азаматтығы туралы мәліметтердіжәне істің мән-жайлары туралы қысқаша ақпаратты қоса алғанда, транзиттік тасымалдауға жататын адамның деректері қамтылуға тиіс.

Транзитке сұрау салу техникалық коммуникациялар құралдары пайдаланыла отырып берілуімүмкін. Сұрау салудың түпнұсқасы бір мезгілде поштамен жіберілуге тиіс.

2. Тараптардың Орталық органдары транзиттік тасымалдаудың маршрутын және басқа да шарттарын келіседі.

3. Егер транзиттеу транзит мемлекетінің аумағына уақытша қонбай әуе көлігімен жүзеге асырылса, оған рұқсат талап етілмейді. Егер Тараптардың бірініңаумағында жоспарланбаған қону орын алса, ол осы баптың 1-тармағында көзделген транзиттеу туралы сұрау салуды жіберуді талап ете алады.

4. Транзит мемлекеті транзиттеу туралы сұрау салу жоспарланбаған қонудан кейін 72 (жетпіс екі) сағат ішінде келіп түседі деген шартпентасымалдау қайта басталғанға дейін тасымалданатын адамды күзетпен ұстайды.

18-бап. Шығыстар

1. Сұрау салынатын Тарап өзінің заңнамасына сәйкес ұстап беруге байланысты туындайтын, өз юрисдикциясындағы барлық рәсімдер бойынша шығыстарды көтереді.

2. Сұрау салушы Тарап транзиттеу бойынша шығыстарды қоса алғанда, адамды Сұрау салынатын Тараптың аумағынан тасымалдау бойынша шығыстарды көтереді.

19-бап. Консультациялар

1. Тараптардың бірінің Орталық органының сұрау салуы бойынша Орталық органдар осы Шартты түсіндіру мен қолдануға немесе нақты сұрау салуларды шешуге қатысты консультациялар жүргізе алады.

2. Орталық органдар арасында консультациялар мен келіссөздер жүргізу жолымен шешілмеген даулар және келіспеушіліктер дипломатиялық арналар арқылы реттеледі.

20-бап. Өзгерістер мен толықтырулар

Осы Шартқа Тараптардың өзара келісуі бойынша осы Шарттың ажырамас бөліктері болып табылатын өзгерістер мен толықтырулар енгізілуі мүмкін, олар жекелеген хаттамалармен ресімделеді және осы Шарттың 21-бабының 1-тармағына сәйкес күшіне енеді.

21-бап. Шарттың күшіне енуі және қолданылуын тоқтату

1. Осы Шарт ратификациялауға жатады. Осы Шарт оның ратификацияланғаны туралы соңғы жазбаша хабарлама дипломатиялық арналар арқылы алынған күннен бастап 60 (алпысыншы) күні күшіне енеді.

2. Осы Шарт оның күшіне енгеніне дейін ұстап беруге әкеп соғатын қылмыс жасаған адамға қатысты қолданылады.

3. Тараптардың кез келгені бұл туралы жазбаша хабарламаны екінші Тарапқа дипломатиялық арналар арқылы жіберіп, осы Шарттың қолданысын тоқтатуға құқылы. Осы Шарт екінші Тараптың мұндай хабарламаны алған күнінен бастап 6 (алты) ай өткеннен кейін өз қолданысын тоқтатады.

ОСЫНЫ КУӘЛАНДЫРУ ҮШІН, осыған тиісті түрде уәкілеттік берілген төменде қол қоюшылар осы Шартқа қол қойды.

2017 жылғы «» маусымдаХанойда әрқайсысы вьетнам,қазақ және ағылшын тілдерінде екі данада жасалды әрі барлық мәтіндердің күші бірдей.

Осы Шартты түсіндіруде келіспеушіліктер туындаған жағдайда ағылшын тіліндегі мәтін басым болып табылады.

Вьетнам Социалистік Республикасы үшін	**Қазақстан Республикасы үшін**